

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HS-ST
Ngày 11 - 6 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị K – sinh năm 1988, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Bùi Thị T; có chồng Nguyễn Văn P và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 255/2007/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản 500.000đồng); tại bản án số 24/2009/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 255/2007/HSST buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 45 tháng tù; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02 tháng 5 năm 2011 và đã thi hành xong các quyết định khác của bản án; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 30 tháng 12 năm 2020; chuyển tạm giam ngày 04 tháng 01 năm 2021; có mặt.

- Người chứng kiến: Ông Vũ Văn T1, bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2020, Tổ công tác thuộc Công an huyện A kết hợp cùng Công an xã A làm nhiệm vụ tại khu vực C trên Quốc lộ 17B thuộc địa bàn thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng phát hiện Trần Thị K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 34B3 - 303.32 theo hướng Hải Phòng đi Hải Dương có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Tổ công tác đã phát hiện và thu giữ trong lòng bàn tay trái của Trần Thị K 02 túi nilon màu trắng có kích thước (4x8)cm và (4x4) cm bên trong đều chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ của Trần Thị K 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 34B3 - 303.32; 01 điện thoại di động Samsung màu đỏ, số tiền 600.000đồng.

Tại kết luận giám định số 95/KLGD-MT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố kết luận: Tinh thể màu trắng thu giữ của Trần Thị K gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 5,95g

Xét nghiệm chất ma túy đối với Trần Thị K cho kết quả dương tính với test chất thử ma túy, loại Methamphetamine

Tại Cơ quan điều tra Trần Thị K khai nhận: Do bị cáo nghiện chất ma túy nên ngày 30 tháng 12 năm 2020, bị cáo đi xe xuống đường tàu thuộc quận L gặp một người phụ nữ không quen biết mua 1.900.000đồng được 02 túi ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, bị cáo cho vào túi áo rồi đi về nhà ở thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Khi đến khu vực C thì bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra, bị cáo lấy ma túy cầm ở tay chưa kịp vứt đi thì bị phát hiện thu giữ ma túy.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị K khai nhận đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân bị phát hiện và bắt quả tang, thu giữ những vật chứng như đã nêu ở trên. Số tiền dùng vào việc mua ma túy do bị cáo tiết kiệm được mà có; việc bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy là do một mình bị cáo thực hiện, không có ai khác cùng tham gia.

Công bố lời khai những người chứng kiến có nội dung như bị cáo Trần Thị K đã khai nhận tại phiên tòa.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Trần Thị K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị K từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao bì mẫu vật.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị K 01 điện thoại di động Samsung màu đỏ; số tiền 600.000đồng.

Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo Trần Thị K đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang do Công an huyện A lập vào hồi 12 giờ 05 phút ngày 30 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Bản kết luận giám định số 91/KLGD-MT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng; phù hợp với lời khai những người chứng kiến; phù hợp với vật chứng đã được thu giữ, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị K đã có hành vi tàng trữ trái phép 5,95 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân bị phát hiện, bắt quả tang tại khu vực C trên Quốc lộ 17B thuộc địa bàn thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2020.

[3] Theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ thì Methamphetamine có số thứ tự 323 thuộc danh mục II - Danh mục các chất ma túy.

[4] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi có ý trực tiếp đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma

túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nguy hiểm cho xã hội. Như vậy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân của bị cáo Trần Thị K đã phạm vào tội: “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[5] Khối lượng chất ma túy của bị cáo bị thu giữ là 5,95 gam Methamphetamine nên hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự “ *Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*”

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Tính chất vụ án là nghiêm trọng; việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Nhân thân bị cáo có 02 tiền án đều đã được xóa nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tỏ ra ăn năn, hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[9] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng nhân thân có 02 tiền án mặc dù đều đã được xóa và lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 5,95 gam Methamphetamine nên cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo ở mức trên khởi điểm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự người phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước. Xét hoàn cảnh gia đình, tính chất mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện nên không áp dụng đối với bị cáo.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[11] Đối với số ma túy còn lại sau giám định đã thu giữ là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 34B3 - 303.32 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn P, anh P không biết bị cáo sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn P là có căn cứ.

[13] Đối với 01 điện thoại di động Samsung màu đỏ không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo Trần Thị K quản lý, sử dụng.

[14] Đối với số tiền 600.000 đồng thu giữ trong vụ án, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tạm giữ một phần để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo; số tiền còn lại, cần trả lại cho bị cáo Trần Thị K quản lý, sử dụng.

- Về những vấn đề khác:

[15] Đối với người bán ma túy cho Trần Thị K hiện chưa xác định được lai lịch tách ra để điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

[16] Về án phí: Theo quy định của pháp luật bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Thị K 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao bì mẫu vật.

Tạm giữ 200.000 đồng đã thu giữ trong vụ án để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phí dân sự sơ thẩm của bị cáo Trần Thị K.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị K 01 điện thoại di động Samsung màu đỏ; số tiền 400.000 đồng còn lại đã thu giữ trong vụ án.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo Trần Thị K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 6 CATP;
- Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch